TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH N** **Bản án số**: 28/2023/HNGĐ - ST Ngày 20/12/2023 (*V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH N

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông **Hà Thiện Thành**

Hội thẩm nhân dân: Ông **Hà Xuân Ninh** và ông **Đinh Công Hiến**

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà **Bùi Hồng Mơ** – Thư ký Toà án nhân dân huyện V, tỉnh N.

Ngày 20 tháng 12 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện V, tỉnh N tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2023/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 05 năm 2023 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 26/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24/11/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Phạm Xuân H**, sinh năm 1978; địa chỉ xóm Hòa B, xã Gia T, huyện V, tỉnh N; (Có mặt).

Bị đơn: Chị **Phạm Thị H**, sinh năm 1978; địa chỉ xóm 4, xã G, huyện V , tỉnh N; (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 04 tháng 5 năm 2023, và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên Toà sơ thẩm, nguyên đơn là anh Phạm Xuân H trình bày: Giữa anh Phạm Xuân H và bị đơn là chị Phạm Thị H, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 22 tháng 6 năm 2020, tại Uỷ ban nhân dân xã G, huyện V, tỉnh N. Sau khi kết hôn hai người chung sống cùng nhau tại xóm 4, xã G, huyện V, tỉnh N. Anh Phạm Xuân H và chị Phạm Thị H chung sống hoà thuận, hạnh phúc được thời gian ngắn thì tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn có nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu do tính tình không hợp, chị H luôn ghen tuông, nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, không quan hệ với nhau. Năm 2022 anh H đã làm đơn xin ly hôn chị H, sau đó lại rút đơn để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng không được. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên

nội, ngoại khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng, nên anh H đã bỏ về xóm H, xã Gia T, huyện V, tỉnh N để ở và hai vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2022 cho tới nay. Anh H thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh H đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Thị H.

Về con chung anh Phạm Xuân H trình bày: Vợ chồng anh có một con chung là cháu Phạm Minh D, sinh ngày 16/11/2020. Nếu được Toà án chấp nhận cho ly hôn, anh H đề nghị Tòa án giao con chung cho chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc sau ly hôn, anh có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H mỗi tháng là 3.000.000 đồng.

Về quan hệ tài sản và công nợ chung: Anh Phạm Xuân H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn là chị Phạm Thị H trình bày: Chị thừa nhận việc kết hôn giữa hai người đúng như anh H đã trình bày, về tình trạng hôn nhân chị H xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn, anh H không chung thủy với chị, thiếu quan tâm đến chị. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên bảo, nhưng anh H vẫn không nghe. Do vậy, vợ chồng đã ly thân từ tháng 4/2022 cho tới nay, nhưng chị bỏ qua tất cả để vợ chồng quay về cùng nhau nuôi dạy con chung. Chị cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn. Vì vậy, chị Phạm Thị H không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị Phạm Thị H thừa nhận về số con chung như anh H đã trình bày. Hiện tại chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Nếu Toà án giải quyết cho vợ chồng chị ly hôn, chị H đề nghị Tòa án giao con chung là Phạm Minh D, sinh ngày 16/11/2020 cho chị là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị hàng tháng với số tiền là 3.000.000 đồng/tháng.

Về quan hệ tài sản và công nợ chung: Chị Phạm Thị H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh Phạm Xuân H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh N giải quyết cho anh được ly hôn chị Phạm Thị H; chị Phạm Thị H có nơi cư trú tại xã G, huyện V, tỉnh N, đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh N theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa anh Phạm Xuân H và chị Phạm Thị H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã G, huyện V, tỉnh N vào ngày 22 tháng 6 năm 2020. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ, sau khi kết hôn hai người chung sống hoà thuận hạnh phúc được thời gian ngắn thì tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không hợp, chị H luôn ghen tuông, dẫn đến vợ chồng cãi chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình nội, ngoại khuyên bảo nhưng mâu thuẫn vẫn không được hàn gắn. Theo thời gian, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, nặng nề, thực tế vợ chồng đã ly thân nhau từ đầu năm 2022 đến nay, cũng từ đó hai người không quan tâm đến nhau, quan hệ vợ chồng chỉ tồn tại trên danh nghĩa. Việc chị H xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ, nhưng lại không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Không tham gia các buổi hòa giải do Tòa án tổ chức. Như vậy, việc chị H không đồng ý ly hôn chỉ nhằm mục đích kéo dài thời gian, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, nên không có cơ sở chấp nhận. Điều đó chứng tỏ quan hệ vợ chồng giữa anh H và chị H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Xuân H.

[3] Về quan hệ con chung:

Anh Phạm Xuân H và chị Phạm Thị H có một con chung cháu là Phạm Minh D, sinh ngày 16/11/2020. Việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là quyền, đồng thời cũng là nghĩa vụ của cha mẹ. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Hội đồng xét xử xét thấy, anh H, chị H có một con chung trên ba tuổi. Trong thời gian trước đây và hiện tại cháu Phạm Minh D do chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và bảo đảm tốt về mọi mặt. Anh Phạm Xuân H đề nghị Tòa án giao cháu Phạm Minh D cho chị Phạm Thị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc sau ly hôn, anh có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu D cho chị H mỗi tháng là 3.000.000 đồng, chị H cũng nhất trí. Quan điểm của anh H và chị H đưa ra là tự nguyện, không trái pháp luật. Vì vậy, cần giao con chung Phạm Minh D cho chị Phạm Thị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau ly hôn; anh Phạm Xuân H phải có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Phạm Thị H 3.000.000 đồng/1 tháng. Kể từ ngày 20/12/2023 cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi, điều này phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ tài sản chung và công nợ chung:

Anh Phạm Xuân H và chị Phạm Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản chung, công nợ chung. Vì vậy, vấn đề tài sản chung và công nợ chung, Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc Hội. Anh Phạm Xuân H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 107, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357 Bộ luật Dân sự; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: 1. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Phạm Xuân H và chị Phạm Thị H được ly hôn;

2. Về con chung:

Giao cho chị Phạm Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Phạm Minh D, sinh ngày 16/11/2020. Thời hạn nuôi con tính từ ngày 20/12/2023 cho tới khi cháu Phạm Minh Dương đủ 18 tuổi.

Anh Phạm Xuân H phải có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Phạm Thị H 3.000.000 đồng/1 tháng. Kể từ ngày 20/12/2023 cho đến khi cháu Phạm Minh D đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trong tr□ờng hợp bên có nghĩa vụ trậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

Anh Phạm Xuân H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Được khấu trừ 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V theo biên lai số AA/2021/0004138 ngày 04/5/2023.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự".

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh N;*
- *VKSND huyện V;*
- *Chi cục THADS huyện V;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã G;*
- *Lưu Hồ sơ, văn phòng;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thiện Thành